

Số: 159 /QĐ-CĐYT

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ cao đẳng, hệ trung cấp
Kỳ tuyển sinh năm học 2022 - 2023 (ĐỢT 3)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 5984/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-CĐYT ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-CĐYT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 246/KH-CĐYT ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về Kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023;

Căn cứ Biên bản số 659/BB-CĐYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc họp Hội đồng tuyển sinh năm học 2022 - 2023, xét kết quả tuyển sinh đợt 3;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh năm học 2022 - 2023 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển đợt 3 kỳ tuyển sinh năm học 2022 - 2023, hệ cao đẳng và hệ trung cấp cho 188 thí sinh, gồm các ngành đào tạo như sau:

- | | |
|---------------|--------------|
| - Cao đẳng: | 154 thí sinh |
| + Dược sĩ: | 86 thí sinh |
| + Điều dưỡng: | 61 thí sinh |
| + Hộ sinh: | 07 thí sinh |
| - Trung cấp: | 34 thí sinh |
| + Y sĩ: | 29 thí sinh |
| + Điều dưỡng: | 05 thí sinh |

(Có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo)

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển theo danh sách hoàn thành thủ tục nhập học theo thời gian quy định của Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

Điều 3. Trưởng các phòng Tổ chức-Hành chính, Đào tạo-Nghiên cứu khoa học, Công tác Học sinh-Sinh viên, Tài chính-Kế toán, các phòng/khoa khác có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT-NCKH 

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Lê Minh Đức

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 3)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
Ngành Dược: 59 thí sinh											
1	397	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	10/04/2004	Nữ	THPT	53	01	2		20,80	
2	425	Nguyễn Thái Kiều Anh	13/08/2004	Nữ	THPT	53	01	2		20,25	
3	441	Phạm Hữu Thiên Bảo	05/09/2004	Nam	THPT	53	01	2		19,45	
4	434	Phan Như Băng	01/11/2002	Nữ	THPT	53	08	2NT		21,95	
5	400	Đoàn Thanh Bình	17/03/2002	Nam	THPT	53	07	2NT		21,90	
6	416	Lê Huỳnh Bảo Châu	31/03/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		19,60	
7	428	Phạm Thị Hồng Diệu	26/09/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		21,25	
8	444	Nguyễn Thị Phương Dung	31/07/1995	Nữ	THPT	53	04	2		28,00	
9	423	Nguyễn Thị Thúy Đào	03/09/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		21,05	
10	391	Đỗ Thị Thảo Giang	10/10/2004	Nữ	THPT	53	02	2		21,50	
11	363	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	07/01/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		17,00	
12	374	Nguyễn Thị An Hào	05/08/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		22,50	
13	393	Nguyễn Thị Huế Hân	23/03/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		18,55	
14	407	Nguyễn Ngọc Hân	04/11/2004	Nữ	THPT	53	01	2		24,60	
15	427	Lê Nguyễn Gia Huy	16/10/2004	Nam	THPT	53	01	2		21,85	
16	432	Đoàn Huy Khang	25/10/2002	Nam	THPT	53	05	2NT		17,00	
17	348	Nguyễn Minh Khánh	06/05/2004	Nam	THPT	53	04	2		18,25	
18	367	Võ Ngọc Thảo Linh	04/04/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		18,75	
19	381	Trần Thị Yến Linh	19/11/2003	Nữ	THPT	53	11	2		22,75	
20	408	Nguyễn Thị Ngọc Linh	25/10/2004	Nữ	THPT	53	01	2		19,30	
21	383	Nguyễn Hoàng Phi Long	20/06/2003	Nam	THPT	53	03	2NT		21,75	
22	419	Đào Nguyễn Tấn Lộc	12/02/2004	Nam	THPT	53	05	2		22,10	
23	375	Trương Thị Trà My	10/07/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		22,40	
24	409	Nguyễn Huỳnh Thảo My	16/10/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		20,00	
25	366	Lữ Thị Thanh Ngân	03/06/2004	Nam	THPT	53	07	2NT		22,10	
26	433	Trần Nguyễn Kim Ngân	20/10/2004	Nữ	THPT	53	07	2NT		21,40	
27	389	Nguyễn Hồng Ngọc	23/05/2004	Nữ	THPT	53	01	2NT		21,75	
28	429	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	20/01/2004	Nữ	THPT	53	11	2		22,75	
29	454	Đặng Thị Bích Ngọc	29/03/1993	Nữ	THPT	53	08	2		25,50	
30	388	Lê Hạnh Nguyên	22/02/2004	Nữ	THPT	53	04	2NT		18,90	
31	372	Trần Thanh Nhã	25/08/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		15,78	
32	376	Nguyễn Thị Diễm Nhi	05/11/2004	Nữ	THPT	53	08	2NT		21,45	
33	398	Võ Tuyết Nhi	21/12/2004	Nữ	THPT	53	01	2		22,50	
34	414	Nguyễn Phan Ngọc Nhi	28/07/2004	Nữ	THPT	53	04	2NT		25,45	



(Handwritten signature)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
35	445	Lê Nguyễn Thanh Phong	26/10/2003	Nam	THPT	53	02	2		19,95	
36	430	Trương Thị Yến Phượng	18/02/2004	Nữ	THPT	53	04	2NT		22,85	
37	443	Trần Nhật Quang	10/08/2001	Nam	THPT	53	01	2		19,65	
38	395	Nguyễn Ngọc Tiên	06/03/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		23,10	
39	370	Võ Thanh Thảo	11/09/2004	Nữ	THPT	56	02	2NT		21,25	
40	418	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13/11/2004	Nữ	THPT	53	01	2		23,00	
41	399	Hồ Thị Hồng Thắm	13/08/1996	Nữ	THPT	53	03	2NT		17,50	
42	406	Nguyễn Bảo Thắng	03/03/2004	Nam	THPT	53	01	2		21,90	
43	412	Phạm Quốc Thắng	15/11/1999	Nam	THPT	53	05	2NT		23,40	
44	386	Trần Ngọc Thi	16/04/2004	Nữ	THPT	53	04	2NT		23,10	
45	424	Mai Hữu Thiên	25/07/2004	Nam	THPT	53	01	2		17,20	
46	401	Nguyễn Văn Trí Thiện	14/04/2003	Nam	THPT	53	05	2		21,80	
47	422	Nguyễn Thị Kim Thoa	28/03/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		19,25	
48	438	Nguyễn Hoàng Thơ	26/07/2003	Nữ	THPT	53	01	2NT		22,60	
49	384	Phạm Thị Kim Thùy	11/03/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		16,10	
50	379	Huỳnh Phan Anh Thư	14/09/1995	Nữ	THPT	53	07	2NT		21,50	
51	382	Nguyễn Thị Anh Thư	15/11/2004	Nữ	THPT	49	14	2NT		19,30	
52	394	Lê Thị Minh Thư	21/09/2004	Nữ	THPT	53	01	2NT		21,00	
53	417	Nguyễn Thị Minh Thư	27/12/2003	Nữ	THPT	53	04	2NT		23,25	
54	392	Hồ Thị Diễm Thy	20/09/2004	Nữ	THPT	56	03	2NT		20,25	
55	439	Ngô Huỳnh Phương Thy	02/01/2004	Nữ	THPT	53	01	2		20,20	
56	426	Huỳnh Thị Hiền Trang	12/10/1981	Nữ	THPT	53	05	2NT		18,50	
57	371	Trần Thị Tường Vy	09/03/2004	Nữ	THPT	53	01	2		21,40	
58	402	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	05/11/2004	Nữ	THPT	53	01	3		18,40	
59	369	Đặng Thị Như Ý	24/04/2004	Nữ	THPT	53	01	2		23,10	

Ngành Điều dưỡng: 46 thí sinh

1	352	Vũ Mai Hồng Ánh	02/07/2004	Nữ	THPT	49	10	2NT		22,35	Long An
2	349	Huỳnh Thị Đình Ân	11/04/2003	Nữ	THPT	49	10	2		17,26	Long An
3	435	Phạm Hoài Bảo	09/03/2004	Nam	THPT	53	06	2NT		21,95	
4	431	Ngô Thị Tiểu Cần	10/02/2003	Nữ	THPT	53	06	2		17,75	
5	415	Trần Thị Thanh Duyên	25/07/2004	Nữ	THPT	53	02	2		18,75	
6	350	Trần Thị Mỹ Duyên	10/10/1999	Nữ	THPT	53	09	2NT		22,50	Long An
7	356	Nguyễn Thị Bích Duyên	03/03/2004	Nữ	THPT	49	10	2NT		16,85	Long An
8	354	Huỳnh Trúc Giàu	11/10/2003	Nữ	THPT	49	13	2NT		16,35	Long An
9	358	Trần Huỳnh Trung Hiếu	12/11/2004	Nam	THPT	49	01	2		18,85	Long An
10	364	Trần Lê Khánh Huyền	08/01/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		20,20	
11	413	Nguyễn Minh Hương	21/01/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		19,60	
12	387	Nguyễn Quốc Khánh	26/08/2004	Nam	THPT	53	04	2NT		23,00	
13	436	Trần Phan Duy Lâm	01/02/1995	Nam	THPT	53	01	2		23,80	
14	451	Trần Hoài Linh	07/11/2004	Nam	THPT	49	01	2NT		16,65	Long An
15	380	Phan Ngọc Như Lý	19/07/2004	Nữ	THPT	56	02	2		23,75	
16	448	Trịnh Thị Diễm My	12/10/2003	Nữ	THPT	49	09	2NT		21,75	Long An
17	453	Trần Thị Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	THPT	56	02	2NT		16,65	Long An

BẢN TÍN
TRƯỞNG
ĐẠI DƯƠNG
Y TẾ
IÊN GIANG

Handwritten signature

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
18	403	Nguyễn Thị Ngoãn	02/03/2004	Nam	THPT	53	01	2		21,35	
19	421	Đặng Thị Trinh	09/01/2004	Nữ	THPT	53	01	2		22,40	
20	373	Trần Ngọc Nguyệt	18/05/2004	Nữ	THPT	53	03	2NT		17,65	
21	405	Nguyễn Thanh Nhuận	15/09/2004	Nam	THPT	53	04	2NT		21,85	
22	411	Ngô Thị Yên	19/09/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		21,25	
23	437	Trần Trọng Quý	29/07/2004	Nam	THPT	53	06	2NT		24,90	
24	447	Lê Thị Đỗ Quyên	17/02/2004	Nữ	THPT	49	11	2NT		17,35	Long An
25	446	Nguyễn Thị Bảo Tâm	13/04/2003	Nữ	THPT	49	01	3		19,50	Long An
26	385	Trần Thị Mỹ Tâm	15/07/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		23,05	
27	362	Phan Thị Thủy Tiên	04/11/2004	Nữ	THPT	53	08	2NT		22,45	
28	377	Trần Thị Thu Tiên	20/10/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		17,00	
29	357	Hồ Nguyễn Cẩm Tú	12/11/2004	Nữ	THPT	49	15	2NT		18,80	Long An
30	355	Nguyễn Kiều Thanh	04/03/2003	Nam	THPT	49	03	2NT		19,10	Long An
31	365	Lê Minh Thành	19/01/2001	Nữ	THPT	53	08	2		19,25	
32	452	Phạm Thị Phương Thảo	01/09/2004	Nữ	THPT	49	01	2		15,00	Long An
33	420	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/05/2004	Nữ	THPT	53	05	2NT		15,75	
34	378	Nguyễn Thị Nguyên Thuật	28/09/2004	Nữ	THPT	49	10	2NT		24,05	
35	359	Nguyễn Thị Bích Thủy	04/03/2004	Nữ	THPT	49	04	2NT		22,25	Long An
36	353	Nguyễn Ngọc Trâm	20/03/2004	Nữ	THPT	49	10	2NT		18,25	Long An
37	404	Nguyễn Đặng Bảo Trân	28/09/2003	Nữ	THPT	53	05	2		18,40	
38	440	Lương Thanh Trúc	14/01/2004	Nữ	THPT	53	05	2		21,25	
39	390	Phạm Nhật Trường	11/12/2004	Nam	THPT	53	01	2		18,80	
40	361	Nguyễn Ngọc Uyên	04/10/2004	Nữ	THPT	49	12	2NT		18,55	Long An
41	396	Huỳnh Ngọc Thúy Vân	27/01/2004	Nữ	THPT	53	06	2NT		19,50	
42	351	Nguyễn Châu Kiều Vi	16/09/2004	Nữ	THPT	49	10	2NT		17,25	Long An
43	360	Nguyễn Quốc Việt	20/05/2004	Nam	THPT	49	04	2NT		17,25	Long An
44	410	Nguyễn Thành Vinh	23/03/2004	Nam	THPT	53	01	2		21,50	
45	449	Nguyễn Thị Cẩm Vy	27/05/2003	Nữ	THPT	49	09	2NT		21,55	Long An
46	450	Nguyễn Huỳnh Yến Vy	15/06/2003	Nữ	THPT	49	06	1		23,30	Long An

Tổng cộng: 105 thí sinh./.

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 3)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	ĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Điểm	Ghi chú
Ngành Dược sĩ: 04 thí sinh											
1	41	Trần Thị Mỹ Châu	26/12/1993	Nữ	PTTH	53	05	2NT		6,30	
2	42	Lê Thị Hương	23/01/1982	Nữ	PTTH	53	03	3		7,20	
3	44	Phạm Thị Diễm Hương	04/01/1993	Nữ	PTTH	53	01	2		6,00	
4	48	Lê Thị Ngọc Phụng	27/12/1997	Nữ	PTTH	53	10	2NT		7,00	
Ngành Điều dưỡng: 15 thí sinh											
1	09	Nguyễn Trường Đăng	30/06/1998	Nam	THPT	56	01	2		8,60	
2	37	Trần Quốc Kiệt	10/07/1985	Nam	THPT	53	05	2NT		7,60	
3	05	Trần Thị Bích Liên	26/01/1976	Nữ	THPT	53	05	2NT		5,00	
4	38	Nguyễn Thị Phương Linh	04/06/1988	Nữ	THPT	56	09	2		7,20	
5	22	Cao Thị Thảo Ly	27/10/1992	Nữ	THPT	53	11	2		7,70	
6	15	Nguyễn Thành Năng	25/06/1997	Nam	THPT	56	06	2NT	03	6,25	
7	11	Phạm Thị Kim Ngân	03/12/1992	Nữ	THPT	49	15	2		7,50	
8	20	Trần Lê Phương Ngân	28/05/1995	Nữ	THPT	53	05	2NT		6,98	
9	27	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/12/1992	Nữ	THPT	56	04	2NT		6,98	
10	17	Phạm Ngọc Tuyết	10/09/1989	Nữ	THPT	53	04	2		8,50	
11	14	Lê Thị Thanh Trúc	05/06/1996	Nữ	THPT	56	06	2NT		7,50	
12	26	Nguyễn Vũ Văn	08/08/1994	Nam	THPT	56	05	2NT		6,45	
13	43	Nguyễn Thị Kim Thoa	03/03/1992	Nữ	PTTH	53	01	2NT		7,70	
14	49	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	30/08/1988	Nữ	PTTH	53	08	2NT		7,30	
15	50	Võ Kim Yến	06/05/1991	Nữ	PTTH	53	08	2NT		7,90	
Ngành Hộ sinh: 07 thí sinh											
1	08	Phạm Mỹ Duyên	21/11/1983	Nữ	THPT	53	01	2		8,70	
2	07	Lê Ngọc Phụng	27/02/1984	Nữ	THPT	56	06	3		7,20	
3	04	Phan Thị Cẩm Thu	04/11/1993	Nữ	THPT	56	07	2NT		7,30	
4	45	Đoàn Thị Kim Chi	16/09/1995	Nữ	PTTH	49	05	2NT		8,30	
5	46	Võ Thị Thảo Sương	05/09/1990	Nữ	PTTH	56	05	3		7,50	
6	47	Nguyễn Thị Thu Trinh	13/01/1981	Nữ	PTTH	56	05	3		7,50	
7	51	Nguyễn Thị Mỹ Linh	10/04/1983	Nữ	PTTH	56	07	3		7,70	

Tổng số: 26 thí sinh./.

**DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 3)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VĂN BẰNG 2 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
Ngành Dược: 23 thí sinh											
1	20	Trần Thị Thanh Truyền	10/03/1990	Nữ	PTTH	53	08	2NT		25,00	SK
2	21	Huỳnh Thị Thắm	16/09/1999	Nữ	PTTH	53	19	2NT		17,00	SK
3	22	Trần Thị Mai Phương	22/10/1996	Nữ	PTTH	56	02	2NT		23,10	SK
5	24	Lê Thị Kim Vui	25/11/1992	Nữ	PTTH	53	06	2		20,50	SK
6	25	Trần Thị Ngọc Linh	15/02/1998	Nữ	PTTH	56	04	2NT		24,90	SK
7	26	Nguyễn Thị Xuân Hiệp	13/11/1995	Nữ	PTTH	53	05	2NT		23,50	SK
8	27	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11/01/1995	Nữ	PTTH	49	01	3		21,10	SK
9	28	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29/08/1998	Nữ	PTTH	53	09	2		22,20	SK
10	29	Ngô Hồng Cẩm	24/10/1990	Nữ	PTTH	53	05	2NT		19,00	SK
11	30	Phạm Văn Linh	05/06/1992	Nam	PTTH	53	02	1		19,10	SK
12	31	Đoàn Thị Minh Thư	12/02/1992	Nữ	PTTH	30	11	1		17,20	
13	33	Võ Thị Thuỳ Dương	01/06/2000	Nữ	PTTH	53	04	2NT		19,70	
14	34	Ngô Thị Anh Thư	19/09/1997	Nữ	PTTH	53	11	2		18,90	
15	35	Vũ Minh Phương	14/01/1995	Nữ	PTTH	53	01	2		23,50	
16	36	Nguyễn Thái Hùng	07/01/1988	Nam	PTTH	56	03	2NT		24,50	
17	37	Đỗ Thị Yến Nhi	30/09/1989	Nữ	PTTH	53	01	2		26,50	
18	38	Phan Thị Diễm Kiều	29/07/1979	Nữ	PTTH	53	11	3		15,00	Phiên bản
19	39	Nguyễn Minh Chiến	12/12/1993	Nam	PTTH	53	01	2		25,00	
20	41	Nguyễn Hồng An	03/12/1989	Nữ	PTTH	53	11	2NT		21,10	
21	42	Trần Hữu Vinh	01/01/1995	Nam	PTTH	56	07	2NT		22,60	
22	43	Nguyễn Thị Thanh Xuân	06/06/1996	Nữ	PTTH	53	05	2NT		29,00	
23	44	Phan Thị Hoàng Hân	15/04/1995	Nữ	PTTH	53	01	2		72,00	

Tổng số: 23 thí sinh./.

**DANH SÁCH THI SINH TRUNG TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT3)
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHÍNH QUI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TĐVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
Ngành Y sĩ: 14 thí sinh											
1	33	Phan Đại Duy	02/05/2004	Nam	PTTH	56	04	2NT		15,20	
2	34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/03/2003	Nữ	PTTH	53	06	2NT		11,50	
3	35	Huỳnh Ngọc Thuý Vân	27/01/2004	Nữ	PTTH	53	06	2NT		13,70	
4	36	Nguyễn Lê Ngọc Hân	18/11/2004	Nữ	PTTH	53	01	2		14,85	
5	37	Cao Kỳ Duyên	26/12/2004	Nữ	PTTH	53	01	2		14,20	
6	38	Nguyễn Thị Hồng Ngân	09/06/2004	Nữ	PTTH	53	06	2NT		14,25	
7	39	Nguyễn Thị Thảo Vy	29/11/2004	Nữ	PTTH	37	11	2NT		13,95	
8	40	Ngô Vũ Văn	30/12/2004	Nam	PTTH	53	05	2NT		14,00	
9	41	Đặng Anh Nhân	04/04/2004	Nam	PTTH	53	07	2NT		12,65	
10	42	Nguyễn Dương Mộng Vân	29/08/1999	Nữ	PTTH	53	07	2NT		10,40	
11	43	Lê Bảo Hân	17/06/2004	Nữ	PTTH	53	04	2NT		16,00	
12	44	Lê Thanh Khang	23/03/2001	Nam	PTTH	49	04	2NT		10,80	
13	45	Nguyễn Ngân Tường Vy	16/03/2001	Nữ	PTTH	53	04	2NT		11,00	
14	46	Lê Gia Huy	05/12/1999	Nam	PTTH	53	04	2NT		13,70	

Tổng số: 14 thí sinh./.

**DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (ĐỢT 3)
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VĂN BẰNG 2 NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

STT	MHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới	TDVH	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Tổng	Ghi chú
Ngành Y sĩ: 15 thí sinh											
1	15	Nguyễn Mai Chiêu Anh	19/08/1993	Nữ	THPT	53	07	2		18,00	SK
2	13	Nguyễn Hoàng Khả Chiêu	30/09/1999	Nam	THPT	56	06	2NT		18,20	SK
3	14	Nguyễn Hồng Dương	23/06/1991	Nam	THPT	53	01	2		16,50	SK
4	18	Huỳnh Thị Yến Nhi	22/12/1994	Nữ	THPT	53	05	2NT		20,50	SK
5	02	Võ Hạ My	29/06/1985	Nữ	THPT	53	01	2		18,50	SK
6	19	Nguyễn Hoàng Phong	22/11/1981	Nam	THPT	56	07	2NT		24,10	SK
7	06	Trương Ngọc Tâm	06/04/1986	Nữ	THPT	53	01	2		20,60	SK
8	17	Lê Quang Thịnh	08/07/2001	Nam	THPT	53	01	2NT		10,65	SK
9	11	Trịnh Minh Thư	12/01/1985	Nam	THPT	56	04	2NT		12,50	SK
10	22	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	24/03/1985	Nữ	PTTH	53	06	2NT		16,00	SK
11	23	Lê Trọng Tín	17/10/2001	Nam	PTTH	53	10	1		13,05	SK
12	24	Đinh Công Bằng	27/08/1990	Nam	PTTH	53	09	2NT		19,00	SK
13	25	Nguyễn Đỗ Phước Vinh	22/10/1996	Nam	PTTH	53	06	2NT		15,00	SK
14	26	Nguyễn Quang Trí	04/09/1988	Nam	PTTH	56	06	2NT		12,80	SK
15	37	Lê Ngọc Thắm	17/01/1988	Nữ	PTTH	56	06	2NT		15,10	SK
Ngành Điều dưỡng: 05 thí sinh											
1	03	Lê Thuận An	08/05/1994	Nam	THPT	56	06	2NT		14,00	SK
2	10	Trần Thị Ngọc Hà	26/09/1995	Nữ	THPT	56	06	2NT		15,50	SK
3	09	Trần Thị Hiệu	00/00/1988	Nữ	THPT	49	05	2NT		17,10	SK
4	20	Lê Thị Mỹ Linh	06/08/1993	Nữ	THPT	56	07	2NT		17,50	SK
5	21	Võ Thị Huỳnh Hương	15/12/1990	Nữ	PTTH	56	01	2		14,50	SK

Tổng số: 20 thí sinh./.